

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày 30/9/2022.

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nhâm Đức Hùng

Ông Vũ Văn Hợp.

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký  
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 375/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST.HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Thị B**, sinh năm 1965.

\* Bị đơn: Ông **Danh Tấn Ch**, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Khu phố M L, thị trấn M L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(*Bà B có mặt; Ông Ch vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa bà Thị B là nguyên đơn trình bày như sau:**

- *Về hôn nhân:* Vào năm 1982 bà cùng ông Ch đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc có được 03 người con chung. Đến năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ch ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Bà và ông Ch đã không còn chung sống

với nhau hơn 08 tháng nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Ch có 03 người con chung tên Thị Thu Ng, sinh ngày 01/01/1983; Thị Thu Ng, sinh ngày 15/02/1986 và Danh Tấn L, sinh ngày 01/01/1988. Các con của ông, bà hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Ch tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông Ch không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**\* Bị đơn ông Danh Tấn Ch:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Ch như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Ch không đến Tòa án nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thị B.

Tại phiên tòa: Bà Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Ông Danh Tấn Ch là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời khai của đương sự và hồ sơ vụ án thể hiện, bà Thị B và ông Danh Tấn Ch chung sống với nhau từ năm 1983 không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung tên Thị Thu Ng, sinh ngày 01/01/1983; Thị Thu Ng, sinh ngày 15/02/1986 và Danh Tấn L, sinh ngày 01/01/1988 đều đã trưởng thành. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì bà B và ông Ch đã không còn sống chung với nhau. Nên bà B yêu cầu xin được ly hôn với ông Ch. Hội đồng xét xử, thấy rằng việc bà B chung sống với ông Ch vào năm 1983 dù không có đăng ký kết hôn vẫn được công nhận là hôn nhân thực tế, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn là phù hợp với điểm a Khoản 3 [Nghị quyết số 35/2000/QH10](#) ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Xét thấy, yêu cầu của bà B xin ly hôn với ông Ch là có cơ sở

chấp nhận. Vì theo như bà B trình bày từ đầu năm 2022 bà và ông Ch đã không còn chung sống cùng 01 nhà, hai bên không tới lui thăm hỏi gì nhau. Bà B xác định ông bà không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ chung sống với nhau. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay bà B vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Ch. Phía ông Ch cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của bà B. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa bà B và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Bà và ông Ch có 03 người con chung tên Thị Thu Ng, sinh ngày 01/01/1983; Thị Thu Ng, sinh ngày 15/02/1986 và Danh Tấn L, sinh ngày 01/01/1988. Các con của ông, bà hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà và ông Ch tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà B xác nhận bà và ông Ch không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị B.

1. Về Hôn nhân: Bà Thị B được ly hôn với ông Danh Tấn Ch.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà

bà Thị B đã nộp theo biên lai thu số: 0009569 ngày 19/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (bà B đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Bà Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Danh Tấn Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

**Lê Thị Thanh Thảo**